

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIÊN HÙNG**

Số: KHS-COM-OD03/2021
V/v giải trình báo cáo tài chính hợp nhất quý IV
năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128

Fax: 02973 912 988

- E-mail: info@kihuseavn.com

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2020

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/01/2021 tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm
2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người UQ CBTT



Nguyễn Ngọc Anh

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 01/2021/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
BCTC hợp nhất Quý 4/2020

Kiên Giang, ngày tháng 01 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2020, chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 4 năm 2020 và Quý 4 năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 4/2020	Quý 4/2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	334,547,213,768	319,809,308,394	14,737,905,374	4.61
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	338,582,928	27,884,460	310,698,468	1,114.24
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	334,208,630,840	319,781,423,934	14,427,206,906	4.51
4. Giá vốn hàng bán	11	307,891,421,061	285,417,568,957	22,473,852,104	7.87
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26,317,209,779	34,363,854,977	(8,046,645,198)	(23.42)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	864,531,221	448,394,632	416,136,589	92.81
7. Chi phí tài chính	22	7,697,655,679	8,450,739,105	(753,083,426)	(8.91)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	7,150,460,923	7,732,318,106	(581,857,183)	(7.53)
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	8,646,813,684	9,386,622,525	(739,808,841)	(7.88)

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6,858,506,881	8,313,430,935	(1,454,924,054)	(17.50)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3,978,764,756	8,661,457,044	(4,682,692,288)	(54.06)
12. Thu nhập khác	31	551,681,818	16,784,277	534,897,541	3,186.90
13. Chi phí khác	32	1,438,298,659	4,328,307	1,433,970,352	33,130.05
14. Lợi nhuận khác	40	(886,616,841)	12,455,970	(899,072,811)	(7,218.01)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3,092,147,915	8,673,913,014	(5,581,765,099)	(64.35)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3,092,147,915	8,673,913,014	(5,581,765,099)	(64.35)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	4,411,169,616	7,294,323,991	(2,883,154,375)	(39.53)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(1,319,021,701)	1,379,589,023	(2,698,610,724)	(195.61)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	328	543	(215)	(39.59)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	328	543	(215)	(39.59)

Lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2020 theo BCTC hợp nhất của Công ty mẹ giảm 39,53 % so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân do công ty con (Công ty TNHH thủy sản AOKI), chuyển từ Lãi (quý 4/2019) sang Lỗ (quý 4/2020)

Nguyên nhân lỗ của công ty con:

- Doanh thu tăng 16% tuy nhiên giá bán giảm 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 bị giảm giá bán. Giá vốn tăng 24% do giá nguyên liệu tăng 5,4%.
- Giá nguyên liệu tăng cao, do sản lượng khai thác đánh bắt thủy sản giảm, ngư trường cạn kiệt và chính sách quản lý ngư trường của nhà nước, để gỡ thẻ vàng EU.
- Chi phí bán hàng tăng 2% so với cùng kỳ năm trước do tăng theo sản lượng bán ra.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 4 năm 2020 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 4/2020	Quý 4/2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	118,897,703,073	102,449,624,939	16,448,078,134	16.05
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	323,030,000		323,030,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	118,574,673,073	102,449,624,939	16,125,048,134	15.74
4. Giá vốn hàng bán	11	113,178,819,110	91,604,212,665	21,574,606,445	23.55
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	5,395,853,963	10,845,412,274	(5,449,558,311)	(50.25)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	445,760,463	256,013,250	189,747,213	74.12
7. Chi phí tài chính	22	1,379,069,913	1,644,399,425	(265,329,512)	(16.14)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,192,871,462	1,527,024,192	(334,152,730)	(21.88)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	4,579,591,034	4,474,435,424	105,155,610	2.35
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2,274,781,559	2,178,686,056	96,095,503	4.41
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30	(2,391,828,080)	2,803,904,619	(5,195,732,699)	(185.30)
12. Thu nhập khác	31		15,909,090	(15,909,090)	(100.00)
13. Chi phí khác	32	300,052,942	4,325,907	295,727,035	6,836.19
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(300,052,942)	11,583,183	(311,636,125)	(2,690.42)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(2,691,881,022)	2,815,487,802	(5,507,368,824)	(195.61)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	(2,691,881,022)	2,815,487,802	(5,507,368,824)	(195.61)

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 4 năm 2020 giảm so với cùng kỳ 2019.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT 


Nguyễn Ngọc Anh

